

ĐẦU TƯ TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PGS.PTS. VŨ CÔNG TUẤN

1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của đầu tư là phát triển. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa 7 tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 8 của Đảng đã vạch rõ:

"Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000*: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau".

a. Đầu tư nhằm đảm bảo nhịp độ tăng trưởng kinh tế

Thành tựu rất quan trọng của công cuộc đổi mới đã diễn ra trên đất nước ta 10 năm qua, được nhân dân trong nước ghi nhận và bạn bè trên thế giới ngợi ca là nhịp độ tăng trưởng kinh tế liên tục, ở mức độ cao vào hàng đầu trong khu vực (Bảng 1). Trong thời kỳ 1991-1995, mức tăng GDP hàng năm bình quân là 8,2%.

Một số thành phố lớn và địa bàn trong các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước có mức tăng GDP hàng năm khá cao.

Tiếp tục đà tăng trưởng, qua 10 tháng đầu năm 1996, ông Sanden Pruijs, Tổng giám đốc Ngân hàng ABN AMRO N.V (Hà Lan) đã nhận xét: "... Việt Nam đang trên đà phát triển, đạt hoặc vượt phần lớn các chỉ tiêu của năm 1996, với mức tăng GDP trong năm nay ước khoảng 9,5%, và TP.HCM hiện được coi là một trong những nơi có GDP tăng nhanh nhất trên thế giới: khoảng 15% hàng năm..."

Từ nay đến năm 2000, mục tiêu đầu tư nhằm bảo đảm nhịp độ tăng trưởng hàng năm của tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 9-10%; của nông nghiệp (bao gồm nông-lâm-ngư nghiệp và thủy lợi) 4,5-5%; của công nghiệp và xây dựng 14-15%; của dịch vụ 12-13%, của xuất khẩu 28% của nhập khẩu 24%.

BẢNG 1

TỐC ĐỘ TĂNG GDP HÀNG NĂM Ở VIỆT NAM

NĂM	MỨC TĂNG GDP HÀNG NĂM %	NĂM	MỨC TĂNG GDP HÀNG NĂM %
1986	6,5	1991	6,0
1987	3,4	1992	8,6
1988	4,6	1993	8,1
1989	2,7	1994	9,0
1990	2,3	1995	9,5



b. Đầu tư nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế
 Một thành quả kinh tế quan trọng thời gian qua là cơ cấu kinh tế nước ta sau nhiều năm không thay đổi, đã có sự chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

BẢNG 2
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ 1990-1995

NĂM	TỶ TRỌNG TRONG GDP (%)		
	Nông nghiệp	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ khác
1990	38,7	22,7	38,6
1991	38,0	23,5	37,7
1992	37,5	24,2	37,1
1993	36,0	25,4	37,5
1994	34,4	26,6	38,0
1995	29,0	29,1	41,9

Số liệu bảng 2 cho thấy, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng không ngừng, từ 22,7% (1990) đến 29,1% (1995); tỷ trọng dịch vụ trong GDP tăng trung bình, từ 38,6% (1990) đến 41,9% (1995) tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm từ 38,7% (1990) xuống 29,0% (1995), nhưng về giá trị tuyệt đối của nông nghiệp vẫn tăng.

Mục tiêu đầu tư đến năm 2000 nhằm tạo ra cơ cấu kinh tế như sau:

- Nông nghiệp chiếm tỷ trọng 19-20% GDP
- Công nghiệp và xây dựng: 34-35% GDP
- Dịch vụ: 45-46%

Khi này, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ sẽ chiếm trên 80% GDP và tiếp tục nâng dần trong các năm tiếp theo.

c. Tăng tỷ lệ đầu tư trong GDP

Đầu tư là con đường duy nhất để phát triển; bởi vậy, tăng tỷ lệ đầu tư trong GDP là biện pháp quan trọng.

Mục tiêu đến năm 2000 là đạt tỷ lệ đầu tư/GDP khoảng 30%, bằng cách huy động cao nhất mọi nguồn lực trong nước, cũng như thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư bên ngoài.

2. Một số quan điểm về huy động vốn đầu tư

Trong đầu tư phát triển, cần huy động các nguồn vốn ở trong và ngoài nước. Trong đó, nguồn vốn trong nước có ý nghĩa quyết định, nguồn vốn ngoài nước có ý nghĩa quan trọng.

Vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài là huy động cao nhất nguồn vốn trong nước, nhằm chiếm tỷ lệ cao trong đầu tư.

Trong những năm đầu của thời kỳ công nghiệp hóa, đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư lớn, trong khi nguồn vốn trong nước còn hạn chế, cần huy động thêm nguồn vốn bên ngoài theo nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế và thanh toán được nợ.

3. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển đến năm 2000

Năm 1995, giá trị tuyệt đối của GDP ở Việt Nam khoảng 16 tỷ USD.

Với tỷ suất vốn của GDP đến năm 2000-ICOR= 2,5-3, nhằm mục tiêu tăng trưởng GDP gấp 2 lần, nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong thời kỳ 1996-2000 vào khoảng 41-42 tỷ USD.

4. Nguồn vốn đầu tư phát triển đến năm 2000

Nhằm đảm bảo nhu cầu vốn nêu trên, nguồn vốn trong nước được huy động sẽ chiếm trên 50%; nguồn vốn ngoài nước, bao gồm vốn vay ODA (Official Development Assistance), vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài FDI (Foreign Direct Investment) và các nguồn khác gần 50%.

Để huy động cao nhất các nguồn lực trong nước, nhà nước sẽ thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển, mở rộng thị trường vốn dưới các hình thức:

tiết kiệm dài hạn, phát hành trái phiếu, kể cả trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu, kể cả bán cổ phiếu doanh nghiệp cho bên nước ngoài, mở rộng các quỹ đầu tư phát triển, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn ngoài nước, hình thành nhanh thị trường vốn, trước hết là thị trường chứng khoán.

5. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

Từ nay đến năm 2000, cơ cấu nguồn vốn đầu tư được hình thành như sau:

- Vốn ngân sách, bao gồm tích lũy từ thu ngân sách trong nước và một phần vốn vay ODA của chính phủ, chiếm 21% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (VĐTPTXH)
- Vốn tín dụng của nhà nước chiếm 7% VĐTPTXH
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, bao gồm khấu hao cơ bản để lại, lợi nhuận sau thuế, vốn vay ODA của doanh nghiệp và vốn vay trên thị trường vốn chiếm 24% VĐTPTXH.
- Vốn đầu tư của nhân dân chiếm 17% VĐTPTXH.
- Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài chiếm 31% VĐTPTXH.

Nếu chỉ tính riêng nguồn vốn trong nước, cơ cấu nguồn vốn sẽ được huy động như sau:

- Vốn ngân sách chiếm 25% tổng vốn trong nước
- Vốn tín dụng nhà nước chiếm 14% tổng vốn trong nước
- Vốn doanh nghiệp nhà nước chiếm 28% tổng vốn trong nước
- Vốn của nhân dân chiếm 33% tổng vốn trong nước

Số liệu trên cho thấy, tiềm năng vốn của nhân dân là rất to lớn, chiếm tỷ trọng cao nhất trong nguồn vốn trong nước. Việc huy động tối đa nguồn vốn này trong thời kỳ mới có ý nghĩa rất quan trọng.

6. Định hướng phát triển cơ cấu ngành-lĩnh vực đầu tư

Nhằm bảo đảm sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa, nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội sẽ được phân bổ cho các ngành và lĩnh vực kinh tế như sau:

- Đầu tư phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và thủy lợi chiếm 20% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (VĐTPTXH)
- Đầu tư phát triển công nghiệp và xây dựng : 43% VĐTPTXH
- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế (giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước...): 18% VĐTPTXH
- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, công nghệ và môi trường...): 14% VĐTPTXH
- Đầu tư phát triển lĩnh vực khác: 5% VĐTPTXH

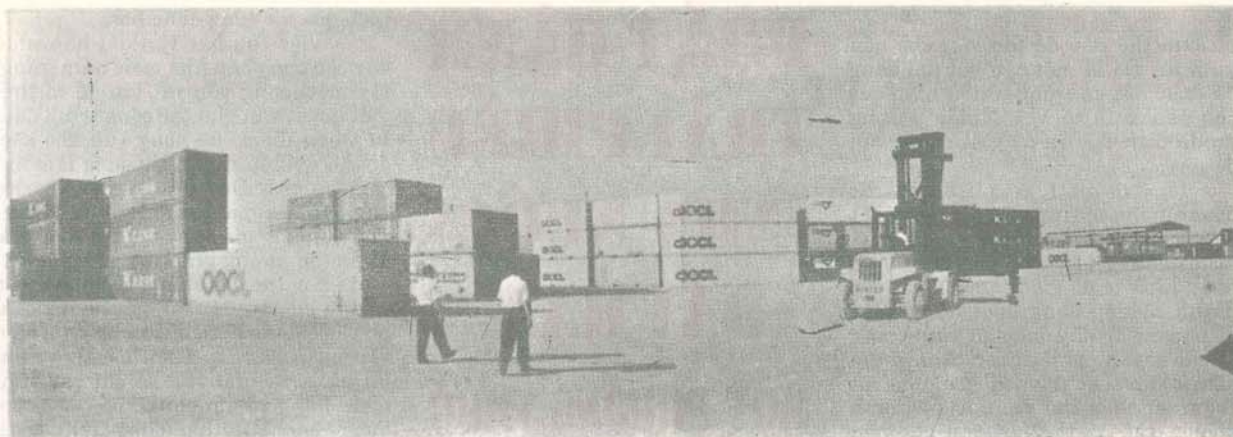
Như vậy, nhằm đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội sẽ được tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng khá cao: 43%.

Phân tích sâu hơn nữa cơ cấu phân bổ vốn đầu tư trong công nghiệp cho thấy:

- 70% vốn đầu tư cho công nghiệp và xây dựng (hoặc 30% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội) dành cho các ngành công nghiệp nặng, nhằm xây dựng có chọn lọc một số công trình có nhu cầu cấp bách và làm cơ sở để phát triển các ngành kinh tế-xã hội khác, có điều kiện khả thi về vốn, về thị trường và hoạt động có hiệu quả như: năng lượng, dầu và khí, xi măng, sắt, thép...

- 30% vốn đầu tư cho công nghiệp và xây dựng (hoặc 13% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội) dành cho công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến sản phẩm tiêu dùng và xuất khẩu.

Như vậy, trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta đã có sự quan tâm thích đáng đến việc xây dựng các ngành công nghiệp cơ bản, sản xuất tư



liệu sản xuất, làm nền tảng cho sự phát triển của công nghiệp nói riêng của toàn bộ nền kinh tế-xã hội nói chung.

Phát huy vai trò điều tiết của nhà nước trong đầu tư phát triển, nguồn vốn do nhà nước trực tiếp chi phối, bao gồm ngân sách nhà nước, tín dụng nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước, chiếm tới 52% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội được tập trung đầu tư có trọng điểm.

Riêng vốn ngân sách nhà nước sẽ được phân bổ cho các ngành và lĩnh vực kinh tế trong thời kỳ 1996-2000 như sau:

- Đầu tư phát triển nông, lâm, ngư nghiệp và thủy lợi chiếm 22% nguồn vốn ngân sách nhà nước (VNS)
- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế chiếm 35% VNS
- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xã hội chiếm 35% VNS

- Đầu tư phát triển lĩnh vực khác chiếm 8% VNS
Số liệu trên cho thấy, vốn ngân sách nhà nước được tập trung đầu tư hàng đầu để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội (chiếm tới 70% tổng vốn ngân sách). Một sự đầu tư thích đáng cũng sẽ được dành cho kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, một địa bàn chiếm 80% dân số và 70% lao động cả nước.

Vốn của doanh nghiệp được ưu tiên cho đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ.

Vốn của nhân dân và vốn đầu tư nước ngoài được điều tiết thông qua các chính sách của nhà nước, nhằm hình thành cơ cấu ngành và địa bàn đầu tư theo đúng định hướng phát triển, quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

7. Định hướng phát triển cơ cấu vùng-địa bàn đầu tư

Trong quá trình phát triển, đến nay nước ta đã có 3 vùng kinh tế trọng điểm:

- Ở phía Bắc: Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh.
- Ở phía Nam: TP HCM, Đồng Nai, Sông Bé, Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Ở miền Trung: Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

Tại các địa bàn trên, cần thu hút đầu tư tập trung đúng mức của cả nước và nước ngoài, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò trung tâm kinh tế-văn hóa-khoa học và công nghệ, đầu mối phát triển kinh tế đối ngoại, liên kết, thúc đẩy và lôi kéo các vùng khác cùng phát triển, hình thành trên các địa bàn này một số khu vực có quy chế đặc biệt về hành chính-kinh tế thuận lợi cho đầu tư, chế tạo hàng xuất khẩu và buôn bán với nước ngoài (khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao...).

Các vùng miền núi, vùng biên giới, vùng biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng căn cứ cách

mạng... sẽ được nhà nước đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế-xã hội, có chính sách khuyến khích đầu tư hấp dẫn, nhằm thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Các vùng, địa bàn khác trong nước sẽ được đầu tư thích đáng để giải quyết những nhu cầu thiết yếu trong đời sống kinh tế-xã hội.

Một chân trời đầu tư mới mở ra trước các doanh nghiệp trong nước trên cơ sở nhà nước sẽ xây dựng cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

Việc phân bổ vốn đầu tư cho phát triển cơ cấu vùng và địa bàn, thời kỳ 1996-2000, như sau:

- Vốn ngân sách và vốn vay ODA cho Trung ương quản lý được phân bổ đều cho các vùng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

- Vốn ngân sách do địa phương quản lý dành 30% phân bổ cho 3 vùng kinh tế trọng điểm, 70% còn lại được phân bổ cho các vùng khác.

- Vốn của doanh nghiệp, của nhân dân và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài có tỷ trọng đầu tư vào 3 vùng kinh tế trọng điểm có thể cao hơn 30%.

8. Kết luận

Một thời kỳ phát triển mới đang mở ra trên đất nước ta. Đầu tư và phát triển là khái niệm song hành trong công cuộc phát triển quốc gia. Xác định nhu cầu vốn đầu tư hợp lý, huy động nguồn vốn đầu tư khả thi, phân bổ nguồn vốn đầu tư thích đáng cho phát triển cơ cấu ngành và vùng lãnh thổ là những nội dung cốt lõi của chiến lược đầu tư, nhằm đảm bảo thắng lợi những mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội do Đại hội 8 của Đảng đã vạch ra: "Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất-kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh."

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Mười. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 7 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 8 của Đảng.
2. Võ Văn Kiệt. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 1996-2000.
3. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000, Văn kiện đại hội Đảng lần thứ 7, 1991.
4. Vũ Công Tuấn. Sổ tay thẩm định dự án đầu tư, Nhà xuất bản TP HCM, 1996.